

Số: 387/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 24 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình
Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 168/QĐ-TTg ngày 28/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 483/QĐ-BTNMT ngày 06/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi;

Căn cứ Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 12/10/2021 của HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi;

Căn cứ Quyết định số 32/2021/QĐ-UBND ngày 09/7/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy định một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 949/QĐ-UBND ngày 11/10/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Quảng Ngãi đến năm 2040;

Căn cứ Quyết định số 345/QĐ-UBND ngày 12/5/2021 của UBND tỉnh về việc phân khai kế hoạch đầu tư công năm 2021 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương;

Căn cứ Quyết định số 1038/QĐ-UBND ngày 13/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung cục bộ Quy hoạch phát triển

giao thông vận tải tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Trên cơ sở Công văn số 514/CQLXD-DAĐT2 ngày 13/3/2023 của Cục Quản lý đầu tư xây dựng - Bộ Giao thông vận tải về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi;

Theo đề nghị của Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh tại Tờ trình số 109/TTr-BQL ngày 16/3/2023 và đề xuất Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Báo cáo tổng hợp kết quả thẩm định số 760/SGTVT-QLCL ngày 23/3/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi.
2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi
3. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh Quảng Ngãi.

4. Mục tiêu và quy mô đầu tư xây dựng:

a) Mục tiêu:

- Góp phần hoàn thiện mạng lưới giao thông đường bộ của tỉnh theo quy hoạch được duyệt; đồng thời, hình thành trục dọc giao thông quan trọng của tỉnh kết nối nhanh, thuận lợi từ sân bay Chu Lai, Khu kinh tế Dung Quất đến thành phố Quảng Ngãi và các địa phương phía Nam trong tương lai.

- Tạo thành hành lang phát triển kinh tế chủ đạo, làm động lực để thu hút đầu tư và khai thác hết tiềm năng phát triển kinh tế đối với khu vực phía Đông của các huyện: Bình Sơn, Sơn Tịnh và thành phố Quảng Ngãi; giảm lưu lượng phương tiện trên tuyến Quốc lộ 1, nhất là trong giờ cao điểm hiện đang bị quá tải; đồng thời, đáp ứng nhu cầu đi lại thuận lợi cho nhân dân.

b) Quy mô đầu tư xây dựng:

- Điểm đầu Km0+000: Kết nối với đường Dốc Sỏi - Dung Quất tại nút giao với đường Thanh Niên, thuộc huyện Bình Sơn;

- Điểm cuối Km28+188,54: Kết nối với đường Hoàng Sa, tại nút giao đầu cầu đập dâng Trà Khúc, thuộc địa phận thành phố Quảng Ngãi;

- Tổng chiều dài tuyến khoảng 28,19km.

- Các thông số kỹ thuật chủ yếu:

TT	Chỉ tiêu kỹ thuật	Đơn vị	Thông số
1	Cấp thiết kế đường (TCVN 13592:2022)		Đường phố chính đô thị
2	Tốc độ thiết kế	Km/h	60
3	Bề rộng		
	Nền đường	m	46,0
	Mặt đường	m	2x8,0=16,0
	Dải phân cách giữa	m	18,0
	Via hè	m	2x6,0=12,0
4	Dốc ngang mặt đường	%	2
5	Dốc ngang vỉa hè	%	2
6	Kết cấu mặt đường		Bê tông nhựa, mô đun đàn hồi yêu cầu $E_{yc} \geq 160 \text{MPa}$
7	Tải trọng thiết kế		
	Tuyến đường	KN	100
	Cầu		Hoạt tải HL-93 và tải trọng người đi bộ 0,003MPa
	Cống qua đường		HL-93
	Cống dọc trên vỉa hè		H10-X60
8	Tần suất thiết kế		
	Cầu	%	1
	Đường và cầu nhỏ	%	4
9	Khổ cầu		Xây dựng 2 đơn nguyên độc lập cách nhau 9m, bề rộng mỗi cầu $B=14,5\text{m}$
10	Hệ thống an toàn giao thông		QCVN 41:2019/BGTVT
11	Công trình thoát nước		Bằng bê tông cốt thép

c) Giải pháp thiết kế:

c1) Bình đồ: Hướng và tìm tuyến thiết kế tuân thủ theo quy hoạch được duyệt tại Quyết định số 1038/QĐ-UBND ngày 13/7/2021, số 949/QĐ-UBND ngày 11/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh và Quyết định số 168/QĐ-TTg ngày 28/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ; bình đồ tuyến thiết kế đảm bảo các yếu tố đường cong nằm của đường chính đô thị, vận tốc thiết kế $V_{tk}=60\text{km/h}$.

c2) Trắc dọc: Thiết kế cao độ đường đồ theo cao độ các điểm khống chế trong quy hoạch được duyệt, các điểm kết nối với các đường hiện hữu, phù hợp với bình đồ, trắc ngang thiết kế, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật đường chính khu vực, độ dốc tối đa $i=4\%$, tần suất tính toán thủy văn phù hợp với tuyến và công trình trên tuyến.

c3) Trắc ngang: Trắc ngang tuyến thiết kế đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật đường chính khu vực, chiều rộng đường $B_{\text{nền}} = 46,0\text{m}$; độ dốc ngang, siêu cao mở rộng phần xe chạy tại vị trí vào đường cong nằm theo tiêu chuẩn của cấp đường.

c4) Nền đường:

- Nền đường đắp: Được đắp bằng đất, đầm nén đảm bảo độ chặt $K \geq 0,95$; riêng với lớp trên cùng dày 30cm đầm nén đảm bảo độ chặt $K \geq 0,98$. Độ dốc mái taluy 1:1,5; một số đoạn ngập thường xuyên được gia cố bằng đá hộc xây vữa.

- Nền đường đào: 30cm dưới đáy kết cấu áo đường được đầm nén đảm bảo độ chặt $K \geq 0,98$; 50cm tiếp theo được xáo xới lu lèn đảm bảo độ chặt $K \geq 0,95$; độ dốc mái taluy tùy thuộc vào địa chất.

- Nền đường đắp trên đất yếu được xử lý bằng bấc thấm và giềng cát đảm bảo các yếu tố kinh tế - kỹ thuật.

c5) Mặt đường (các lớp kết cấu từ trên xuống): Lớp BTNC16 dày 5cm, lớp BTNC19 dày 7cm, lớp cấp phối đá dăm loại 1 $D_{\text{max}} = 25\text{mm}$ dày 20cm, lớp cấp phối đá dăm loại 1 $D_{\text{max}} = 37,5\text{mm}$ dày 30cm.

c6) Bó vỉa, dải phân cách, vỉa hè: Bằng bê tông M300, chiều cao bó vỉa $h=15\text{cm}$, chiều cao dải phân cách $h=30\text{cm}$. Vỉa hè lát gạch Terrazo.

c7) Nút giao thông: Bố trí các nút theo quy hoạch được duyệt và nút vượt nổi đường dân sinh; thiết kế nút giản đơn, giao cắt cùng mức, vượt nổi êm thuận và đảm bảo an toàn giao thông. Kết cấu mặt đường giao phù hợp với kết cấu mặt đường hiện hữu.

c8) Thoát nước:

- Thoát nước ngang tuyến: Trên tuyến thiết kế khoảng 31 cống tròn và 79 cống hộp, đáp ứng tải trọng thiết kế, đảm bảo đủ khả năng thoát nước, phù hợp hệ thống thủy lợi hiện tại; thân cống tròn bằng các đốt cống BTLT M300, gối cống bằng BTCT M200; cống vuông bằng BTCT M250; cống hộp bằng BTCT M300.

- Thoát nước dọc tuyến: Bố trí rãnh biên, cống dọc đảm bảo thoát nước lưu vực và phù hợp với quy hoạch trong tương lai. Rãnh biên bằng bê tông, thân cống tròn bằng BTLT M300; thân cống hộp bằng BTCT M300; hố ga bằng BTCT M250.

c9) Hào kỹ thuật bằng ống cống BTLT đường kính D80.

c10) Hệ thống an toàn giao thông: Thiết kế theo Quy chuẩn quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41: 2019/ BGTVT.

c11) Công trình cầu:

- Phương án xây dựng: Đầu tư xây dựng mới 09 cầu (gồm 02 đơn

nguyên độc lập cách nhau 9,0m), sơ đồ nhịp và loại dầm thích hợp cho từng vị trí cầu, cụ thể như sau:

TT	Tên cầu	Lý trình	Sơ đồ cầu (m)	Bề rộng (m)	Loại dầm
1	Cầu số 1	Km2+496	39,15+7x40+39,15	2x14,5	Super-T DƯỠ căng trước
2	Cầu số 2	Km5+546	39,15+9x40+39,15	2x14,5	
3	Cầu số 3	Km6+880	39,15+2x40+39,15	2x14,5	
4	Cầu số 4	Km7+543	39,15+40+39,15	2x14,5	
5	Cầu số 5	Km11+683	1x24	2x14,5	Dầm bản DƯỠ căng trước
6	Cầu số 6	Km12+851	39,15+39,15	2x14,5	Super-T DƯỠ căng trước
7	Cầu số 7	Km14+302	2x24	2x14,5	Dầm bản DƯỠ căng trước
8	Cầu số 8 (Cầu Lệ Thủy)	Km23+727	39,15+40+39,15	2x14,5	Super-T DƯỠ căng trước
9	Cầu số 9 (Cầu Bàu Vông)	Km25+902	39,15+39,15	2x14,5	

- Kết cấu phần trên: Sử dụng kết cấu nhịp BTCT DƯỠ dạng dầm bản, Super-T; bản mặt cầu BTCT đổ tại chỗ và được thiết kế liên tục nhiệt để tạo độ êm thuận;

- Kết cấu phần dưới: Mố, trụ bằng bê tông cốt thép trên hệ móng cọc bê tông cốt thép;

- Tĩnh không thông thuyền: Khổ thông thuyền thiết kế phù hợp với yêu cầu của từng sông và đã được thỏa thuận với cơ quan quản lý;

- Tĩnh không vượt đường giao: Phù hợp với yêu cầu của từng vị trí và đã được thỏa thuận với cơ quan quản lý.

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, tổ chức lập khảo sát xây dựng; tổ chức tư vấn lập thiết kế cơ sở: Liên danh Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng công trình giao thông 5 và Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng công trình Thiên Phúc.

6. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng:

- Địa điểm xây dựng: Huyện Bình Sơn, huyện Sơn Tịnh và thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Diện tích đất sử dụng: 185,95ha.

7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:

- Nhóm dự án: Dự án nhóm A;

- Loại, cấp công trình chính: Công trình giao thông đường bộ, cấp I.

- Thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế: Theo tiêu chuẩn

thiết kế được áp dụng.

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- Số bước thiết kế: 02 bước.

- Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn: 22 TCN 263 – 2000, 22 TCN 262-2000, TCVN 9398-2012, TCVN 9437-2012, TCVN 9351-2012, TCVN 4054-2005, 22 TCN 211-06, TCVN 13567-1:2022, TCVN 8859-2011, TCVN 4447-2012, QCVN 41:2019/BGTVT, TCVN 11823-2017, TCVN 5574-2018, TCVN 9845-2013, QCVN 07/2016/BXD, TCXDVN 259:2001, 11TCN (18, 19, 20, 21)-2006, TCVN 5574:2018,...

9. Tổng mức đầu tư; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư:

Tổng mức đầu tư: 3.500.000.000.000 đồng.

(Bằng chữ: Ba nghìn năm trăm tỷ đồng).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 2.308.831.202.000 đồng.
- Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: 707.207.005.000 đồng.
- Chi phí quản lý dự án: 19.450.382.000 đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 87.112.855.000 đồng.
- Chi phí khác: 49.346.017.000 đồng.
- Chi phí dự phòng: 328.052.539.000 đồng.

10. Tiến độ thực hiện dự án; phân kỳ đầu tư (nếu có); thời hạn hoạt động của dự án (nếu có):

- Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2022 - 2027.
- Phân kỳ đầu tư: Không có.
- Thời hạn hoạt động của dự án: Không có.

11. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án: Ngân sách Trung ương 500 tỷ và ngân sách tỉnh (thu tiền sử dụng đất) phần còn lại.

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh quản lý, điều hành dự án.

13. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có): Thực hiện theo quy định hiện hành.

14. Trình tự đầu tư xây dựng đối với công trình bí mật nhà nước (nếu có): Không.

Điều 2. Căn cứ Quyết định này, Chủ đầu tư chịu trách nhiệm:

1. Thực hiện đầy đủ các quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; quản lý chặt chẽ kinh phí của dự án trong phạm vi tổng mức đầu tư được duyệt.

2. Thực hiện các nội dung kiến nghị của Sở Giao thông vận tải tại Công văn số 760/SGTVT-QLCL ngày 23/3/2023.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND các huyện: Bình Sơn, Sơn Tịnh, thành phố Quảng Ngãi; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, KT-TH, CB-TH;
- Lưu: VT, KTN (Vũ 244).



CHỦ TỊCH

Đặng Văn Minh

